

Trưởng nhóm phân tích
Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Khuyến nghị: **TĂNG TỶ TRỌNG**

Giá hiện tại (VND): 58.000
Giá mục tiêu (VND): **75.000**
% tăng/giảm giá: 30%

Thông số cơ bản:

Giá 52T cao/thấp (VND)	54.000 - 75.369
KLTB (10N) (Tr.CP)	5.618.389
Vốn hóa (Tỷ.đ)	484.629
SLCPLH (Tr.cp)	8.356
Giới hạn sở hữu NN	30,0%
Tỷ lệ sở hữu NN	20,0%
CP thả nổi	11,0%
Cổ đông lớn	SBV (74,8%) Mizulo (15%)

Diễn biến giá cổ phiếu



Nguồn: SHS Research, FiinProX

Chỉ tiêu (Tỷ.đ)	2024	2025	2026F
Tổng TS	2.085.874	2.441.929	2.814.513
Cho vay KH	1.418.016	1.648.557	1.864.716
Tiền gửi KH	1.514.665	1.672.534	1.933.238
LNTT	42.236	44.020	50.650
BVPS (VNĐ)	35.089	27.223	32.182
EPS (VNĐ)	6.053	4.210	4.846
ROAE (%)	18,73%	16,60%	16,31%
ROAA (%)	1,72%	1,55%	1,54%
NIM (%)	2,86%	2,63%	2,70%
CIR (%)	33,58%	34,76%	34,76%
NPL (%)	0,96%	0,97%	0,97%

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CẢI THIẾN TÍCH CỰC - LỢI NHUẬN QUÝ 2 TĂNG ĐỘT BIẾN NHỜ HOÀN NHẬP DỰ PHÒNG VÀ ĐÁNH GIÁ LẠI KHOẢN ĐẦU TƯ

Chúng tôi duy trì giá mục tiêu cổ phiếu VCB ở mức **75.000 đ/cp**, cao hơn 30% so với giá đóng cửa ngày **07/09/2026**.

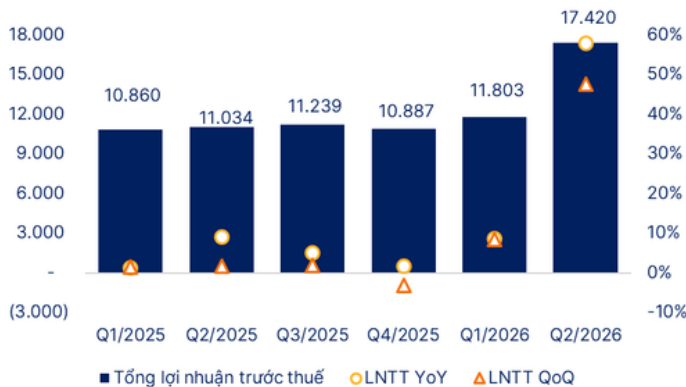
- **VCB ghi nhận LNTT Q2.2026 đạt 17.420 tỷ đồng, tăng 58% YoY và tăng 48% QoQ.** 6T2026, LNTT đạt 29.222 tỷ đồng, tăng 33% YoY và hoàn thành 63% kế hoạch lợi nhuận cả năm.
- **Động lực tăng trưởng** đến từ: 1/ thu nhập lãi thuần nhờ tín dụng mở rộng và NIM phục hồi; 2/ VCB ghi nhận 3.000 tỷ đồng thu nhập khác từ đánh giá lại khoản đầu tư. Nếu loại trừ yếu tố bất thường, thu nhập ngoài lãi tăng 6,5% YoY nhờ tài trợ thương mại, thanh toán và ngoại hối; 3/ Khoản hoàn nhập dự phòng gần 2.000 tỷ đồng từ khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp được chuyển nhóm nợ.
- **Cho vay khách hàng chứng lại trong Q2.2026** với mức tăng + 0,2% QoQ, + 5,1% YTD khi VCB ưu tiên tối ưu hóa danh mục cho vay và cải thiện cơ cấu tài sản. Tăng trưởng tín dụng dự kiến phục hồi trong nửa cuối năm với tăng trưởng cả năm 2026 kỳ vọng đạt 13%, tương ứng hạn mức được giao.
- **NIM tiếp tục cải thiện trong Q2.2026**, ghi nhận 3 quý cải thiện liên tiếp nhờ lợi suất tài sản có sinh lời tăng mạnh hơn chi phí vốn, khi VCB chủ động chuyển dịch cơ cấu sang các khoản cho vay trung và dài hạn có lợi suất cao hơn.
- **Chất lượng tài sản tiếp tục dẫn đầu toàn ngành** với tỷ lệ nợ xấu bao gồm khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp đạt 0,98%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 182%, phản ánh chính sách dự phòng thận trọng.
- **Chúng tôi dự báo VCB ghi nhận 50.650 tỷ đồng LNTT (+15% YoY) trong năm 2026.**
- Tại mức giá đóng cửa ngày 07/09/2026, VCB được giao dịch ở mức P/B 1,95x, đang tiến đến mức trung bình trừ 2 lần độ lệch chuẩn trong giai đoạn 2015-2026. Mức chiết khấu PB của VCB ở mức cao so với toàn ngành.
- Theo công bố của FTSE Russell, VCB được thêm vào danh mục FTSE Global All Cap. VCB dự báo sẽ thu hút được dòng vốn ngoại khi việc nâng hạng TTCK Việt Nam chính thức có hiệu lực từ tháng 9/2026.

KẾT QUẢ KINH DOANH 6T2026

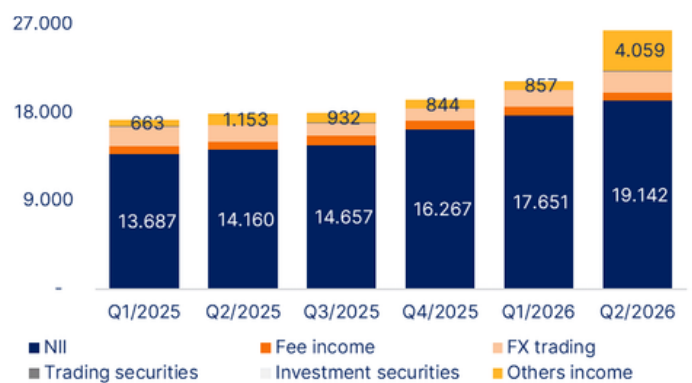
VCB ghi nhận LNTT Q2.2026 đạt 17.420 tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ và tăng 48% so với quý trước, mức lợi nhuận theo quý cao nhất trong lịch sử ngân hàng. Động lực chính của tăng trưởng lợi nhuận đến từ thu nhập lãi thuần tăng 32% so với cùng kỳ nhờ tín dụng mở rộng 13% so với cùng kỳ và NIM phục hồi. VCB cũng ghi nhận khoản thu nhập khác quy mô 3.000 tỷ đồng, là khoản thu nhập 1 lần từ đánh giá lại giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Benthanh theo giá trị hợp lý khi hợp nhất kinh doanh. Nếu loại trừ yếu tố bất thường, thu nhập ngoài lãi cốt lõi tăng 6,5% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ tài trợ thương mại, thanh toán và ngoại hối.

Lũy kế 6T2026, LNTT đạt 29.222 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ và hoàn thành hơn 63% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

LNTT Q2.2026 tăng 51% YoY



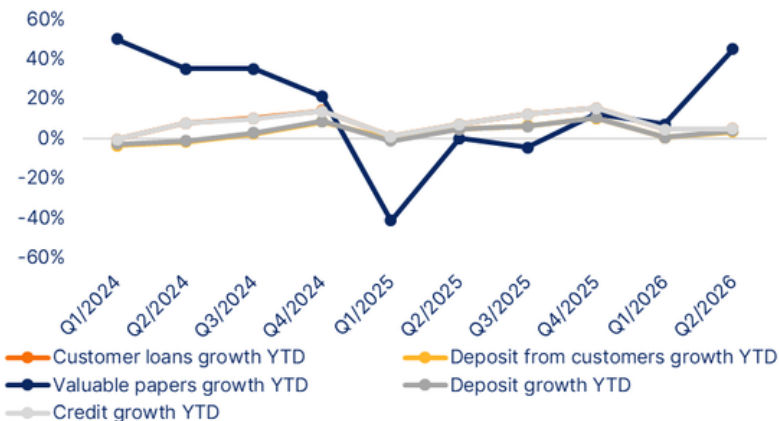
Cải thiện tích cực ở thu nhập lãi và thu nhập phi



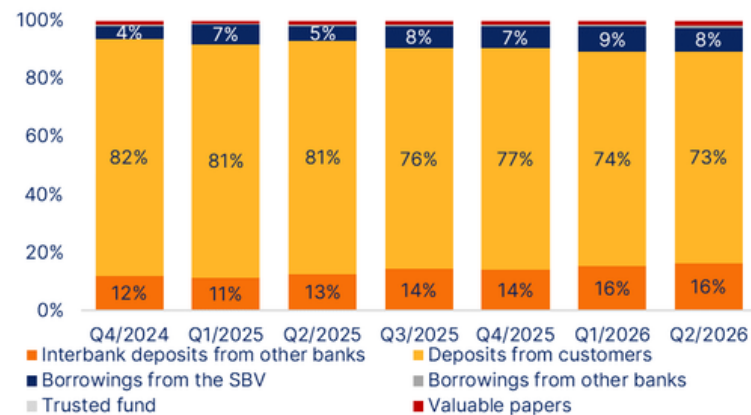
NGUỒN VỐN VÀ BẢNG CÂN ĐỐI

Tại thời điểm cuối Q2.2026, tổng tài sản của VCB đạt 2.657 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với đầu năm. Trong đó, cho vay khách hàng đạt 1.758 nghìn tỷ đồng, tăng 5,1% YTD, tiền gửi và cho vay tại thị trường 2 tăng mạnh 19% YTD. Dư địa cho vay của VCB còn khá lớn với hạn mức tăng trưởng tín dụng được cấp cho năm 2026 là 13%.

Tăng trưởng tín dụng và huy động thấp so với ngành



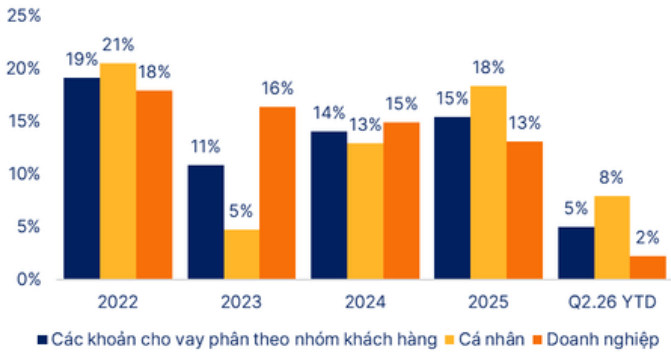
Nguồn vốn được bổ sung chủ yếu từ KBNN, thị trường 2



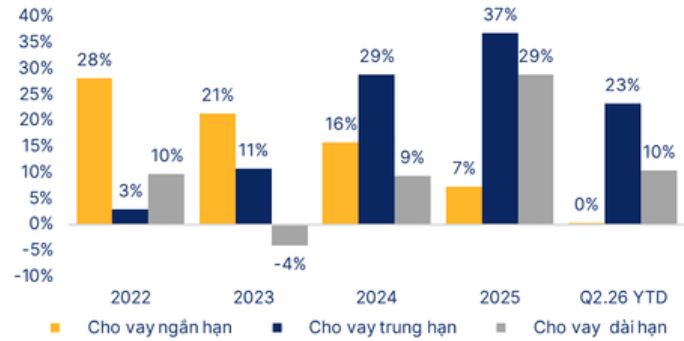
Tiền gửi khách hàng đến cuối Q2.2026 đạt 1.728,8 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4% kể từ đầu năm, thấp hơn so với trung bình ngành. Nguồn vốn của VCB được bổ sung chủ yếu từ quy mô gia tăng của tiền gửi KBNN (+37% YTD), tiền gửi từ tổ chức tín dụng khác (+26% YTD) và phát hành giấy tờ có giá (+45% YTD). Tỷ trọng giấy tờ có giá mới chỉ chiếm 1,7% tổng nguồn vốn của VCB tại thời điểm cuối Q2.2026. Tỷ lệ LDR tính toán theo Quyết định số 1743 sửa đổi bổ sung Thông tư 25 về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng tại thời điểm cuối Q2.2026 là 77,6%, thấp hơn đáng kể mức trần 85% theo quy định.

Q2.2026 - VCB ƯU TIÊN QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DÒNG TÍN DỤNG, KHÔNG CHÚ TRỌNG MỞ RỘNG DANH MỤC CHO VAY

Tín dụng doanh nghiệp là động lực tăng trưởng



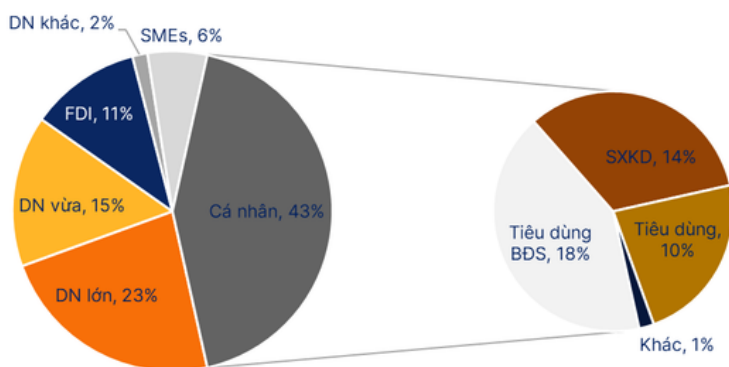
Tín dụng tập trung vào kỳ hạn trung dài hạn



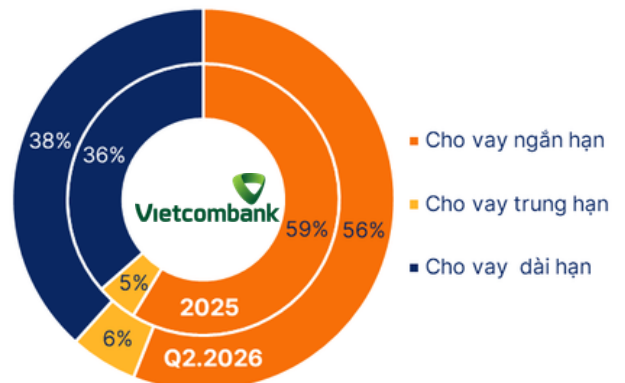
Cho vay khách hàng chứng lại trong Q2.2026 với mức tăng + 0,2% QoQ, + 5,1% YTD. VCB cho biết Ngân hàng không theo đuổi tăng trưởng quy mô tín dụng bằng mọi giá, ưu tiên tối ưu hóa danh mục cho vay và cải thiện cơ cấu tài sản.

Tăng trưởng chủ yếu đến từ khối doanh nghiệp, trong đó tín dụng doanh nghiệp tăng khoảng 8% YTD, cao hơn đáng kể mức tăng trưởng 2,3% YTD của khối bán lẻ. Phân khúc FDI là điểm sáng với tăng trưởng hơn 16% YTD, tập trung ở các lĩnh vực điện tử, thép, thức ăn chăn nuôi, dệt may, điện và bất động sản. Nhóm doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp quy mô vừa tăng khoảng 6%, với nhu cầu dịch chuyển sang các khoản vay trung và dài hạn thuộc ngành thép, năng lượng, điện, viễn thông và hàng không. Phân khúc SME tăng khoảng 10%, phản ánh tín hiệu phục hồi của hoạt động kinh doanh. Tín dụng bán lẻ tăng trưởng chậm trong 6 tháng đầu năm do cho vay mua nhà chậm lại và cho vay sản xuất kinh doanh cá nhân giảm khoảng 9% trước bối cảnh lãi suất tăng.

Tỷ trọng dư nợ cho vay theo chủ thể - Q2.2026



Tỷ trọng dư nợ cho vay theo kỳ hạn



Xét theo kỳ hạn, tăng trưởng tín dụng 6T2026 tập trung ở kỳ hạn trung dài hạn với mức tăng trưởng 12% kể từ đầu năm. Cho vay ngắn hạn chỉ tăng trưởng 0,2% trong 6 tháng đầu năm, thu hẹp so với mức tăng trưởng 3,1% tại thời điểm cuối Q1.2026. Diễn biến này khiến tỷ trọng cho vay ngắn hạn của VCB giảm xuống 56% tại thời điểm cuối Q2.2026, từ mức 59% cuối năm 2025.

VCB hiện đang tài trợ dự án sân bay Phú Quốc, phục vụ cho APEC 2027, thuộc danh mục các dự án trọng điểm quốc gia. Các dự án hạ tầng lớn giúp VCB tăng tăng trưởng tín dụng cũng như mở rộng thu nhập ngoài lãi thông qua quản lý dòng tiền, thanh toán, bảo lãnh, tài trợ chuỗi cung ứng và dịch vụ ngoại hối. VCB cho biết tiếp tục xem xét các dự án theo nguyên tắc thẩm định tín dụng, ưu tiên dự án có dòng tiền rõ ràng, năng lực trả nợ tốt và phù hợp khẩu vị rủi ro. Tăng trưởng tín dụng cả năm 2026 của VCB dự kiến đạt 13%, tương ứng hạn mức được giao.

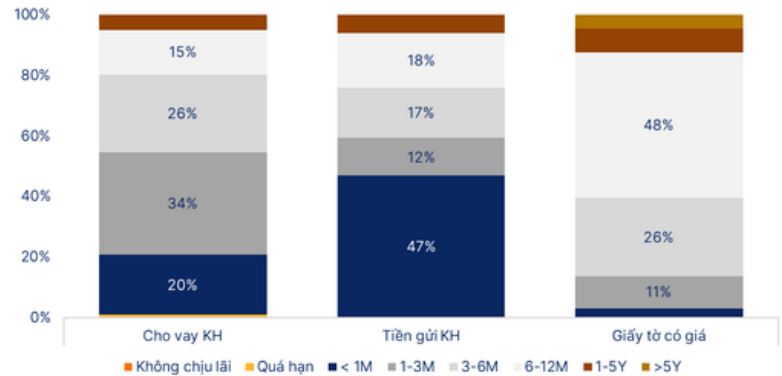
NIM CẢI THIỆN TRONG Q2.2026

Biên lãi ròng (NIM) của VCB trong Q2.2026 tăng lên 2,97%, tiếp tục tăng 11 điểm cơ bản so với quý trước, ghi nhận NIM theo quý tăng 3 kỳ liên tiếp, đi ngược xu hướng giảm của toàn hệ thống Ngân hàng. NIM được hỗ trợ nhờ lợi suất tài sản có sinh lời tăng mạnh hơn chi phí vốn, khi VCB chủ động chuyển dịch cơ cấu sang các khoản cho vay trung và dài hạn có lợi suất cao hơn.

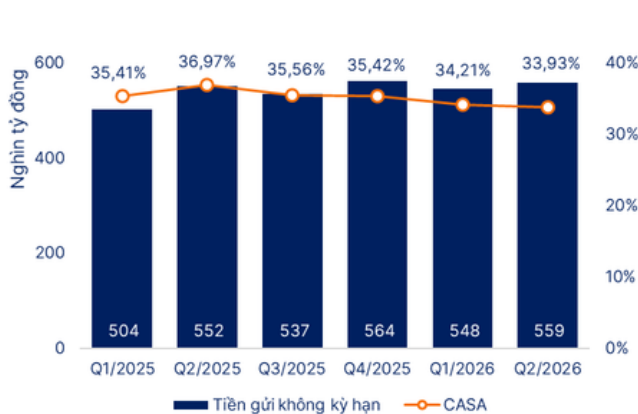
NIM cải thiện trong Q2



Thời gian điều chỉnh lãi suất của khoản cho vay và huy động



Lợi thế CASA thuộc nhóm dẫn đầu ngành



Áp lực chính đến hệ số NIM là cạnh tranh huy động và mặt bằng lãi suất tiền gửi khó giảm nhanh trong bối cảnh tín dụng tăng nhanh hơn huy động. Điểm tích cực là VCB ít chịu ảnh hưởng từ xu hướng tăng lãi suất huy động trên toàn hệ thống nhờ lợi thế tiền gửi kho bạc, CASA thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành và uy tín ngân hàng quốc doanh, giúp chi phí vốn của VCB thấp nhất hệ thống.

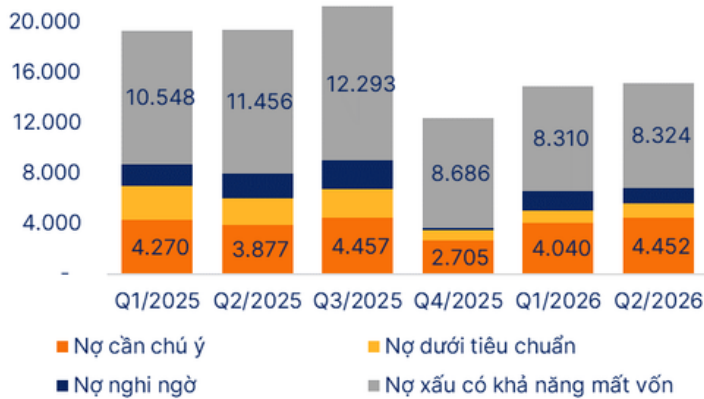
Tại thời điểm cuối Q2.2026, 54% khoản cho vay khách hàng và 59% khoản tiền gửi khách hàng của VCB có thời gian điều chỉnh lãi suất đến 3 tháng. Tỷ lệ này tăng lên 80% khoản cho vay, 76% khoản tiền gửi có thời gian điều chỉnh lãi suất đến 6 tháng. Diễn biến này tiếp tục là yếu tố hỗ trợ NIM.

Điểm cần lưu ý là với vị thế Ngân hàng Quốc doanh, VCB đang triển khai nhiều chương trình tín dụng ưu đãi, giảm lãi suất cho vay theo chỉ đạo định hướng từ Chính phủ. Lãi suất cho vay bình quân trong tháng 7/2026 của VCB là 7,4%, giảm 0,1% so với tháng trước, sau 5 tháng tăng liên tiếp. Chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân và lãi suất tiền gửi bình quân trong tháng 7/2026 là 3,7%/năm, tăng 0,1% so với tháng trước.

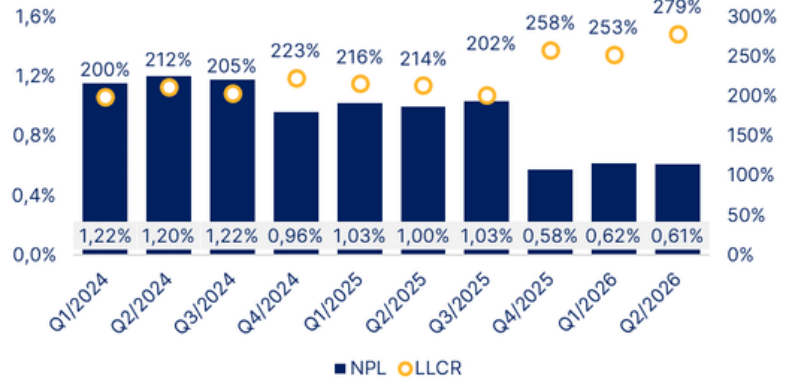
Chúng tôi kỳ vọng NIM của VCB duy trì quanh mức hiện tại nhờ tiếp tục dịch chuyển danh mục sang các khoản vay trung dài hạn, tối ưu tỷ lệ cho vay trên huy động LDR nhằm tăng lợi suất tài sản có sinh lời và đa dạng hóa nguồn huy động nhằm kiểm soát chi phí vốn.

DUY TRÌ VỊ THẾ ĐẦU NGÀNH VỀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

Quy mô nợ quá hạn theo quý của VCB

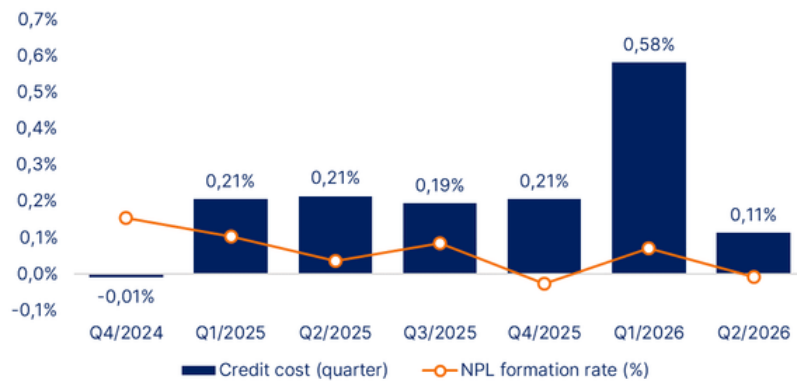


Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ bao phủ nợ xấu

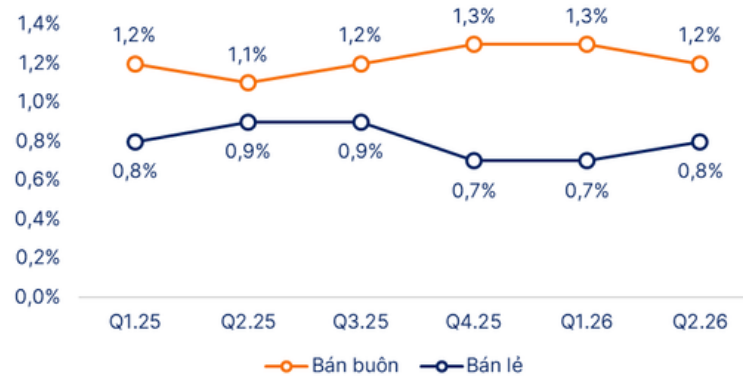


Tỷ lệ nợ xấu đối với khoản mục cho vay khách hàng của VCB tại thời điểm cuối Q2.2026 là 0,61%, giảm nhẹ so với mức 0,62% thời điểm cuối Q1.2026. Đối với khoản trái phiếu doanh nghiệp, VCB ghi nhận hơn 6.600 tỷ đồng nợ xấu từ cuối năm 2025, với mức trích lập dự phòng 50%, tương đương nợ nhóm 4. Q2.2026, sau thời gian hỗ trợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoản nợ xấu trái phiếu doanh nghiệp có quy mô 6.561 tỷ đồng, được ghi nhận là nợ nhóm 3, mức trích lập dự phòng giảm xuống 20%, tương đương ghi nhận hoàn nhập gần 2 nghìn tỷ đồng. Hoàn nhập dự phòng từ khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp giúp chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của VCB giảm mạnh trong Q2.2026, dù mức trích lập dự phòng đối với riêng khoản cho vay khách hàng vẫn được ghi nhận ở mức cao.

Chi phí tín dụng và tỷ lệ hình thành nợ xấu



Tỷ lệ nợ xấu theo phân khúc khách hàng



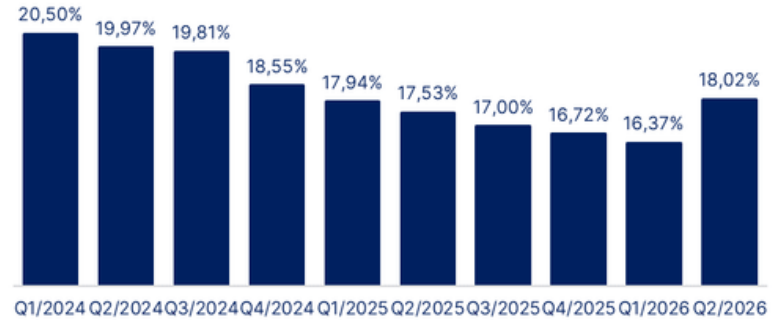
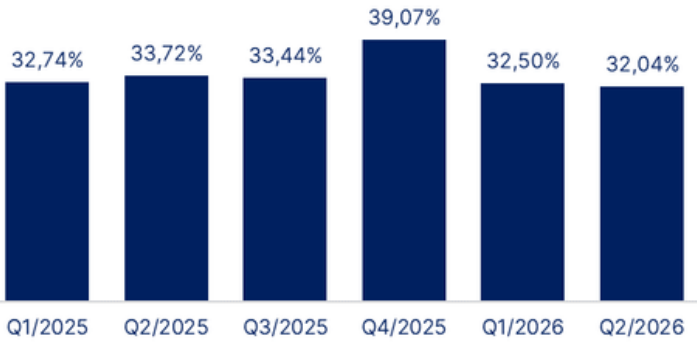
Tỷ lệ nợ xấu bao gồm khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của VCB đạt 0,98% cuối Q2.2026, giảm nhẹ so với mức 0,99% cuối Q1.2026. Xét theo phân khúc khách hàng, tỷ lệ nợ xấu ở nhóm khách hàng doanh nghiệp cao hơn so với khách hàng bán lẻ. Điểm tích cực là VCB không ghi nhận dấu hiệu gia tăng đáng kể ở nợ xấu hoặc nợ nhóm 2 ở tất cả phân khúc khách hàng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu bao gồm TPDN của VCB tiếp tục tăng lên 182%, từ mức 174% cuối năm 2025 và 178% cuối Q1.2026, cao nhất toàn ngành, phản ánh chính sách dự phòng thận trọng.

Về khả năng tiếp tục hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp trong nửa cuối năm, VCB cho biết hoạt động của khách hàng đã tốt hơn, tuy nhiên VCB duy trì quan điểm thận trọng trong quản trị và việc hoàn nhập dự phòng chỉ được thực hiện khi khách hàng thực sự phục hồi hoàn toàn.

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT HỖ TRỢ KẾT QUẢ LỢI NHUẬN

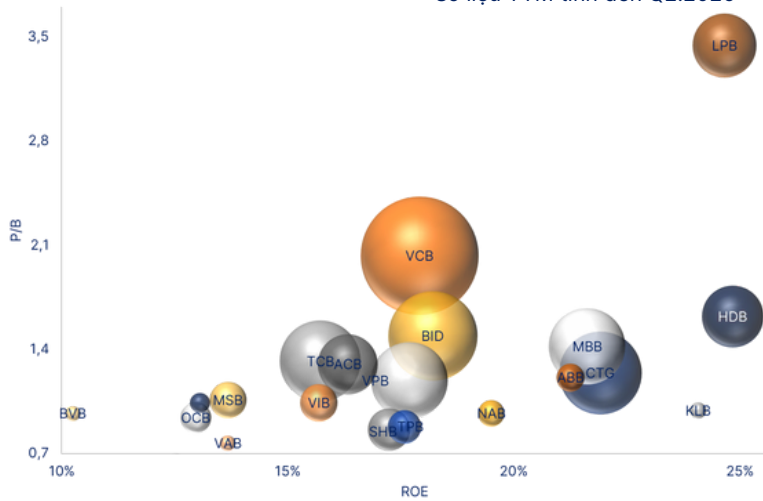
Tỷ lệ chi phí trên thu nhập giảm so với cùng kỳ

ROE phục hồi



ROE và P/B một số Ngân hàng

Số liệu TTM tính đến Q2.2026



Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) của VCB được kiểm soát ở mức 32% trong Q2.2026, giảm so với cùng kỳ.

ROE trượt 4 quý tính đến Q2.2026 của VCB đạt 18%, tăng trưởng tích cực so với mức 16,7% của năm 2025.

Điểm cần lưu ý là kết quả lợi nhuận đột biến của VCB được hỗ trợ từ khoản lợi nhuận bất thường từ đánh giá lại khoản đầu tư.

KẾ HOẠCH CỔ TỨC VÀ PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ

ĐHCĐ VCB đã thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 12,79% từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ lũy kế đến hết năm 2023. Hồ sơ hiện đang được trình cơ quan quản lý phê duyệt.

Về kế hoạch chào bán tối đa 6,5% số cổ phiếu đang lưu hành, tương đương tối đa 543,1 triệu cổ phiếu cho không quá 55 nhà đầu tư, bao gồm nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. VCB đang trong giai đoạn tiếp cận nhà đầu tư cho kế hoạch phát hành riêng lẻ. Ngân hàng cho biết sẽ thực hiện theo phương án đã được phê duyệt về nhà đầu tư mục tiêu, quy mô giao dịch và cơ chế giá. Giao dịch được kỳ vọng sẽ hoàn thành trong Quý 4.2026 nếu các thủ tục và điều kiện thuận lợi.

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG CỦA VCB TRONG NĂM 2026

- VCB duy trì kế hoạch LNTT tối thiểu tăng 5% theo ĐHĐCĐ, nhưng ban lãnh đạo kỳ vọng thực tế có thể đạt khoảng 10% nếu điều kiện thuận lợi.
- NPL mục tiêu dưới 1,5%, kỳ vọng kiểm soát quanh 1%.
- CIR mục tiêu dưới 35%.

ĐÁNH GIÁ CỦA SHS

Chúng tôi dự báo VCB ghi nhận 50.650 tỷ đồng LNTT (+15% YoY) trong năm 2026 trên cơ sở tăng trưởng tín dụng 13%, NIM 2,7%, tỷ lệ nợ xấu 0,97%, chi phí tín dụng 0,39% và tỷ lệ chi phí trên thu nhập tương đương năm 2025. Kết quả dự báo này tăng 5% so với báo cáo lần đầu của chúng tôi nhờ khoản thu nhập bất thường từ việc VCB đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty con Vietcombank - Bonday - Benthanh.

6T2026, VCB ghi nhận 29.222 tỷ đồng LNTT, tương ứng 58% lợi nhuận dự báo cả năm của chúng tôi.

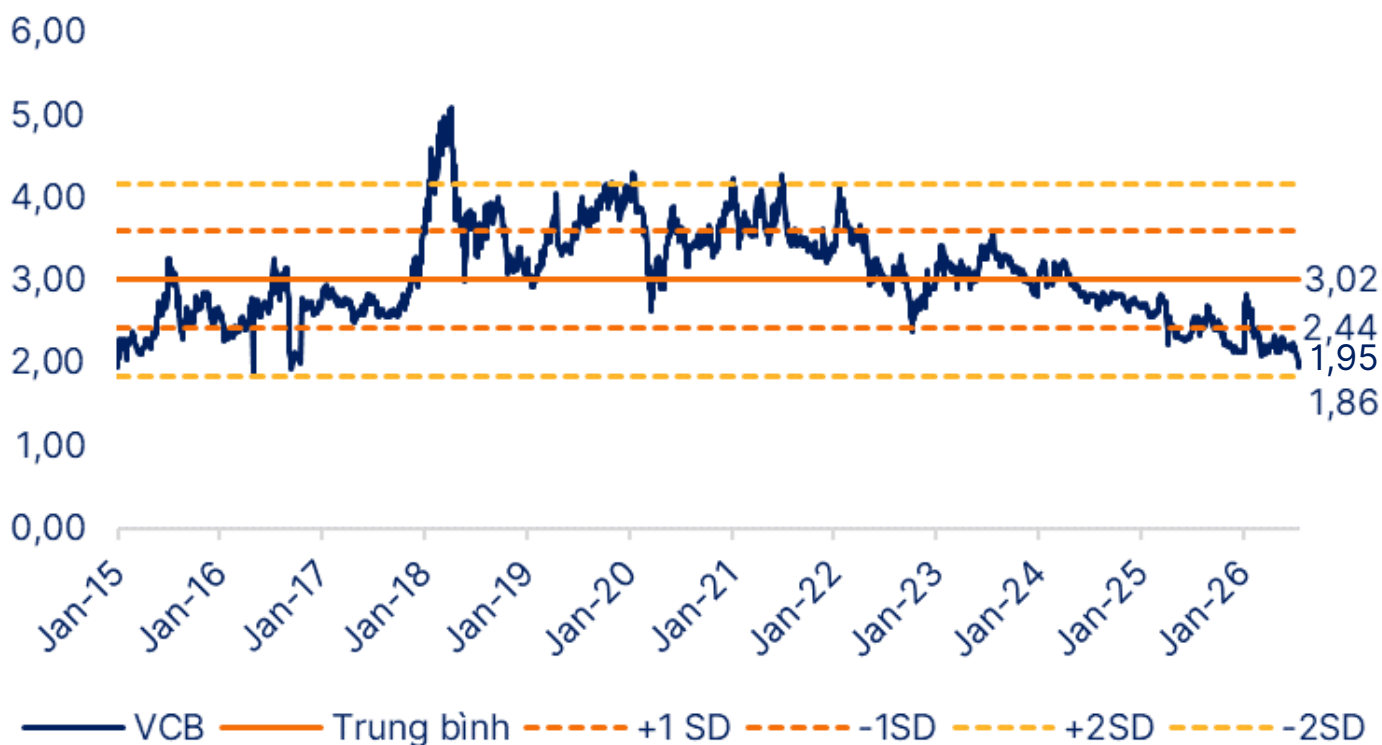
KQKD 6T2026 của VCB so với dự báo của SHS

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q1.26	Q2.26	6T26	2026 F	6T26/2026F
Tăng trưởng tín dụng	4,9%	0,2%	5,1%	13%	39%
Tổng thu nhập hoạt động	21.180	26.372	47.551	88.405	54%
LNTT	11.803	17.420	29.222	50.650	58%

Chúng tôi duy trì mức định giá hợp lý của cổ phiếu VCB theo hai phương pháp RI và P/B (2,5x) là 75.000 đồng/cổ phiếu.

Tại mức giá đóng cửa ngày 08/09/2026, VCB được giao dịch ở mức P/B 1,95x, thấp hơn mức trung bình 2,44x trong giai đoạn 2015-2026 và đang tiến gần đến mức trung bình trừ 2 lần độ lệch chuẩn. Hệ số định giá của VCB đã về mức thấp so với đa số ngành Ngân hàng chỉ ở mức trung bình trừ 1 độ lệch chuẩn. Trong giai đoạn 2015-2026, ngưỡng trung bình trừ 2 lần độ lệch chuẩn (1,86x) thể hiện giá trị hỗ trợ tích cực đối với định giá của VCB.

Hệ số định giá P/B của VCB giai đoạn 2018-2026



PHỤ LỤC 1 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU LIÊN QUAN

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F	Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Bảng Cân đối kế toán					Báo cáo KQKD				
Tiền & các khoản tương đương	14.505	14.268	15.543	19.258	Thu nhập lãi	108.116	93.655	105.119	125.118
Tiền gửi NHNN	58.105	49.340	37.446	54.046	Chi phí lãi	-54.501	-38.249	-46.445	-55.281
Tiền gửi & cho vay TCTD khác	336.502	389.952	521.939	589.791	Thu nhập lãi thuần	53.614	55.406	58.674	69.837
Chứng khoán kinh doanh	2.495	4.876	11.479	12.411	Thu từ dịch vụ	12.698	13.143	11.855	10.292
Cho vay khách hàng	1.241.677	1.418.016	1.648.557	1.864.716	Chi phí dịch vụ	-6.873	-8.006	-8.385	-6.270
Chứng khoán đầu tư	145.780	167.383	162.104	222.454	Lãi/lỗ thuần hoạt động dịch vụ	5.825	5.137	3.470	4.022
Góp vốn đầu tư dài hạn	2.225	2.228	2.261	4.264	Lãi/lỗ thuần từ ngoại hối và vàng	5.660	5.292	6.165	7.204
Tài sản cố định	7.805	8.093	8.233	8.449	Lãi/lỗ thuần từ CK kinh doanh	125	62	171	204
Tài sản khác	30.631	30.402	33.993	38.412	Lãi/lỗ thuần từ CK đầu tư	0	3	4	4
Tổng tài sản	1.839.725	2.085.874	2.441.929	2.814.513	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	2.273	2.372	3.592	6.762
Nợ CP & NHNN	1.671	78.237	160.128	180.945	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	266	307	282	373
Tiền gửi & vay TCTD khác	213.839	234.534	321.159	362.909	Tổng thu nhập hoạt động	67.764	68.578	72.358	88.405
Tiền gửi KH	1.395.698	1.514.665	1.672.534	1.933.238	Chi phí hoạt động	-21.906	-23.027	-25.152	-30.731
Phát hành GTCG	19.913	24.125	27.101	30.624	LN thuần trước DP RRTD	45.858	45.551	47.205	57.675
Nợ khác	43.406	38.103	33.471	37.822	Chi phí DPRRTD	-4.530	-3.315	-3.185	-7.025
Tổng nợ phải trả	1.674.644	1.889.664	2.214.393	2.545.539	LNTT	41.328	42.236	44.020	50.650
Vốn của TCTD	60.886	60.886	88.552	88.552	Thuế TNDN	-8.206	-8.383	-8.822	-10.130
Vốn điều lệ	55.891	55.891	83.557	83.557	LNST	33.122	33.853	35.198	40.520
Thặng dư vốn cổ phần	4.995	4.995	4.995	4.995					
Quỹ của TCTD	27.447	37.053	36.993	42.708	Định giá				
Lợi nhuận giữ lại	76.826	98.332	102.028	136.833	EPS (VND)	5.922	6.053	4.210	4.846
Tổng VCSH	164.987	196.113	227.464	268.903	BVPS (VND)	29.519	35.089	27.223	32.182
Lợi ích CĐTS	94	96	72	72	PER	13,56	15,07	14,63	11,97
Tổng nguồn vốn	1.839.725	2.085.874	2.441.929	2.814.513	PBR	2,72	2,60	2,26	1,80
Tăng trưởng					Chất lượng tài sản				
Huy động	11,6%	8,7%	10,5%	15,5%	NPL	0,98%	0,96%	0,58%	0,97%
Tín dụng	10,7%	13,9%	15,3%	13,0%	LLCR	230%	223%	259%	144%
Tổng tài sản	1,4%	13,4%	17,1%	15,3%					
VCSH	21,7%	18,9%	16,0%	18,2%	Hiệu quả hoạt động				
NII	0,7%	3,3%	5,9%	19,0%	NIM	3,00%	2,86%	2,63%	2,70%
TOI	-0,5%	1,2%	5,5%	22,2%	NOII/TOI	20,88%	19,21%	18,91%	21,00%
Chi phí hoạt động	3,1%	5,1%	9,2%	22,2%	ROA	1,81%	1,72%	1,55%	1,54%
LNTT	10,6%	2,2%	4,2%	15,1%	ROE	22,01%	18,73%	16,60%	16,31%
LNST	10,7%	2,2%	4,0%	15,1%	CIR	32,33%	33,58%	34,76%	34,76%

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Khả quan: Kỳ vọng tăng giá từ 10% - 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá đến 10% trong khoảng thời gian 12 tháng

Kém khả quan: Kỳ vọng giảm giá đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Cần lưu ý: Đây là những mã cổ phiếu có những thông tin bất thường hay có giao dịch bất thường... có ảnh hưởng trọng yếu đến doanh nghiệp. (Mục tiêu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư)

Không khuyến nghị: Bộ phận nghiên cứu đang hoặc sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong các trường hợp nhất định tránh các xung đột lợi ích, ví dụ như SHS đang thực hiện tư vấn chiến lược, IPO...

Chưa khuyến nghị: Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu không được đưa ra do chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không có hiệu lực đối với cổ phiếu này.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt,
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô
Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06
Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Thành
phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi
Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ
Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



SHS

Kiến tạo tài chính thịnh vượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)



Website: shs.com.vn



Tel: 1900 63 8588



Email: hotrokhachhang@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: shsmart.shs.com.vn